

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THỦY NGUYÊN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

## MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

020  
CÔNG  
TY TNHH  
KHAI  
THÁC  
CÔNG TRÌNH  
THỦY  
LỢI THỦY NGUYÊN  
HẢI PHÒNG

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### Thông tin chung

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002907 ngày 07/08/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26/02/2025 mã số doanh nghiệp mới là 0200165520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ dân phố Thiên Hương 5, Phường Thiên Hương, Thành Phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.).

### CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Trung Kiên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Lại Văn Trác

Tổng Giám đốc

#### Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Phan Hiên

#### Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Thanh Hương

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

165  
TY  
H  
NH VIÊN  
KHÁC  
H THỦY  
NGUYÊN  
IỔ HẢ



Số: 136/2026/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27/02/2026, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc**

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, Hàng tồn kho và Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

N: 020  
CÔNG T  
TNHH  
T THÀNH  
KHAİ TH  
IG TRÌNH  
THỦY NG  
PHỔ

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số “V.13. Vốn chủ sở hữu”, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển số tiền 4.160.652.483 đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số “VII.1. Điều chỉnh hồi tố”, khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số dư tại ngày 31/12/2024 của Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024 của Công ty.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Hà Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**Trần Xuân Thường**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 5801-2023-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>33.065.789.682</b>	<b>34.525.934.848</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.778.750.734	16.619.204.891
Tiền	111		13.428.750.734	16.619.204.891
Các khoản tương đương tiền	112		350.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.551.464.962</b>	<b>15.134.478.879</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	18.380.501.813	17.063.222.392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	288.462.000	1.051.047.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	100.862.965	218.571.303
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.218.361.816)	(3.198.361.816)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.735.573.986</b>	<b>2.772.251.078</b>
Hàng tồn kho	141	V.7	3.735.573.986	2.772.251.078
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>291.485.950.630</b>	<b>271.662.239.782</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>291.367.311.130</b>	<b>271.300.469.232</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	291.367.311.130	271.300.469.232
- Nguyên giá	222		315.697.922.290	295.764.535.927
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.330.611.160)	(24.464.066.695)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>118.639.500</b>	<b>361.770.550</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.3	118.639.500	361.770.550
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>324.551.740.312</b>	<b>306.188.174.630</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.764.313.835</b>	<b>30.279.471.713</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.764.313.835</b>	<b>30.279.471.713</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	21.771.317.988	25.193.232.551
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.200.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	811.729.405	1.119.659.729
Phải trả người lao động	314		3.160.754.400	2.525.655.800
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	203.450.614	123.044.764
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	1.637.717.672	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		179.343.756	117.878.869
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>296.787.426.477</b>	<b>275.908.702.917</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>277.777.475.362</b>	<b>246.400.593.434</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		277.660.605.051	245.100.199.119
Quỹ đầu tư phát triển	418		116.870.311	1.300.394.315
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>19.009.951.115</b>	<b>29.508.109.483</b>
Nguồn kinh phí	431		182.367.550	(879.375.450)
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		18.827.583.565	30.387.484.933
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>324.551.740.312</b>	<b>306.188.174.630</b>

Lê

*[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*

Trương Thị Lệ  
Người lập

Lê Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch Công ty  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	69.130.649.790	58.572.929.891
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		69.130.649.790	58.572.929.891
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.208.237.372	43.354.461.119
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.922.412.418	15.218.468.772
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.342.899	37.919.938
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.566.290.422	11.061.356.934
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.370.464.895	4.195.031.776
Thu nhập khác	31	VI.5	651.840.516	119.952.662
Chi phí khác	32	VI.6	15.213.635	2.900.073
Lợi nhuận khác	40		636.626.881	117.052.589
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.007.091.776	4.312.084.365
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	756.954.330	621.310.659
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.250.137.446	3.690.773.706

Lê

Lê Thị Thanh Hương



Nguyễn Trung Kiên

Trương Thị Lệ  
Người lập

Lê Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch Công ty

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.007.091.776	4.312.084.365
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		919.258.765	1.077.740.165
Các khoản dự phòng	03		20.000.000	(433.015.307)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(14.342.899)	37.919.938
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		5.932.007.642	4.994.729.161
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		(1.085.326.599)	2.127.402.955
Giảm, (Tăng) hàng tồn kho	10		(963.322.908)	(957.478.307)
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.770.456.426)	17.326.156.248
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12		243.131.050	(183.277.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(976.310.659)	(890.449.519)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		29.578.299.071	(144.356.765)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.112.775.752)	(7.938.830.732)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		15.845.245.419	14.333.896.013
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.876.235.666)	(2.513.452.904)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.538.475.519	119.952.662
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.055.979.017
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.342.899	(37.919.938)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(20.323.417.248)	(1.375.441.163)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.637.717.672	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		1.637.717.672	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(2.840.454.157)	12.958.454.850
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	V.1	16.619.204.891	3.660.750.041
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	V.1	13.778.750.734	16.619.204.891

Lê

Lê Thị Thanh Hương



Trương Thị Lệ  
Người lập

Lê Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch Công ty  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (sau đây được gọi là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên theo Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/07/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204002907 ngày 07/08/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26/02/2025 với mã số doanh nghiệp mới là 0200165520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là UBND Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ dân phố Thiên Hương 5, Phường Thiên Hương, Thành Phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 190.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn./.).

**2. LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho dân sinh;
- Sửa chữa, tu bổ xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Buôn bán vật liệu xây dựng và các ngành nghề khác.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí; thi công xây dựng theo hợp đồng.

**3. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường dưới 12 tháng.

**4. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. KỶ KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**1. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền.

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Đối với các công trình sửa chữa nâng cấp công được cấp nguồn kinh phí bảo trì theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng để duy tu sửa chữa không làm thay đổi quy mô Kết cấu công trình, do đó không ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Nguồn kinh phí này được hạch toán trên tài khoản chi sự nghiệp và nguồn kinh phí sự nghiệp, không hạch toán tăng doanh thu, chi phí.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 40
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính, theo đó, một số tài sản cố định thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...).
- Máy bơm nước từ 8.000m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình. Giá trị khấu hao các Máy bơm điện, Nhà quản lý Cống được phân bổ vào chi phí hoạt động công ích thủy lợi và dịch vụ khác theo hướng dẫn tại Nghị định 96/2018/NĐ-CP.

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

**7. VAY VÀ CHI PHÍ ĐI VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh

0163  
TY  
+  
H VIÊN  
HÁC  
THỦY L  
SUYỄN  
HẢI P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước là các khoản trả trước chi phí cho nhiều kỳ kế toán và giá trị còn lại công cụ, dụng cụ bao gồm các loại công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để được ghi nhận là tài sản cố định. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh không quá 36 tháng.

**9. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả cho người bán phản ánh khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản từ người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Phải trả cho người bán được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán. Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh nghĩa vụ nợ hiện tại của Công ty nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể.

**10. GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ thủy lợi phí, doanh thu từ cung cấp nước thô, doanh thu xây lắp.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**11. THUẾ**

Thuế GTGT được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Hoạt động tưới tiêu, nạo vét kênh mương nội đồng không chịu thuế GTGT;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động cung cấp nước thô của Công ty là 5%, hoạt động xây lắp là 8% và 10% (nếu có).

Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Các khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, cấp nước nội đồng thuộc diện miễn thuế TNDN.

Lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2025 được xác định bằng tổng lợi nhuận kế toán nhân với tỷ lệ phân bổ lợi nhuận được xác định cho hoạt động chịu thuế, có loại trừ các khoản chi phí không phù hợp quy định về thuế TNDN.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. THUẾ (TIẾP)**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật và quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

**12. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	712.723.804	754.193.930
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.716.026.930	15.865.010.961
Các khoản tương đương tiền	350.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.778.750.734</b>	<b>16.619.204.891</b>

**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Nam Triệu	2.960.321.662	2.960.321.662
- Chi nhánh Tổng Công ty Duyên Hải - CTCP - Xí nghiệp 359	2.513.870.000	2.513.870.000
- Sở Nông nghiệp và Môi trường	4.470.492.616	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước - Xây dựng Hải Phòng	1.063.777.295	1.660.072.050
- Công ty TNHH Xây dựng Phát triển Minh Khánh	634.206.271	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng	636.880.860	739.178.055
- Công ty cổ phần TM DV và xây lắp Hải Phòng	-	2.694.792.993
- BanQLDA Đầu tư Xây dựng huyện An Dương	-	1.017.284.000
- Công ty Cổ phần Shinec	109.090.595	1.881.811.898
- Công ty TNHH Vsip Hải Phòng	770.967.855	731.961.090
- Các đối tượng khác	5.220.894.659	2.863.930.644
<b>Cộng</b>	<b>18.380.501.813</b>	<b>17.063.222.392</b>

**3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	73.872.000	119.319.750
- Chi phí khác	44.767.500	242.450.800
<b>Cộng</b>	<b>118.639.500</b>	<b>361.770.550</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>288.462.000</b>	-	<b>1.051.047.000</b>	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thuận Thiên	-	-	926.839.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Phú Hưng	-	-	104.208.000	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Lộc Phát	250.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	38.462.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>288.462.000</b>	-	<b>1.051.047.000</b>	-

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	66.000.000	-	182.413.000	-
- Phải thu khác	34.862.965	-	36.158.303	-
<b>Cộng</b>	<b>100.862.965</b>	-	<b>218.571.303</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đóng Tàu Nam Triệu	2.960.291.662	-	2.960.291.662	-
- Công ty TNHH MTV Hoi kỹ nghệ que hàn Nhà máy Đát đèn và Hóa chất Trảng Kênh	113.597.663	-	113.597.663	-
- Các đơn vị khác	144.472.491	-	124.472.491	-
<b>Cộng</b>	<b>3.218.361.816</b>	<b>-</b>	<b>3.198.361.816</b>	<b>-</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	364.337.445	-	303.641.554	-
- Công cụ, dụng cụ	29.906.147	-	35.731.397	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.341.330.394	-	2.432.878.127	-
<b>Cộng</b>	<b>3.735.573.986</b>	<b>-</b>	<b>2.772.251.078</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc, Thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2025	287.480.061.533	6.575.240.394	917.750.000	791.484.000	295.764.535.927
- Tăng trong năm (1)	22.876.235.666	-	-	-	22.876.235.666
- Thanh lý, nhượng bán (2)	(2.262.833.756)	(680.015.547)	-	-	(2.942.849.303)
31/12/2025	<u>308.093.463.443</u>	<u>5.895.224.847</u>	<u>917.750.000</u>	<u>791.484.000</u>	<u>315.697.922.290</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2025	(18.667.821.740)	(4.246.456.159)	(917.750.000)	(632.038.796)	(24.464.066.695)
- Khấu hao trong năm	(654.074.630)	(165.096.031)	-	(100.088.104)	(919.258.765)
- Thanh lý, nhượng bán (2)	384.042.200	668.672.100	-	-	1.052.714.300
31/12/2025	<u>(18.937.854.170)</u>	<u>(3.742.880.090)</u>	<u>(917.750.000)</u>	<u>(732.126.900)</u>	<u>(24.330.611.160)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2025	268.812.239.793	2.328.784.235	-	159.445.204	271.300.469.232
31/12/2025	<u>289.155.609.273</u>	<u>2.152.344.757</u>	-	59.357.100	291.367.311.130

(1) Tăng tài sản Kè kênh Hòn Ngọc, tài sản công hộp và Trạm bơm Mỹ Đồng.

(2) Giảm giá trị tài sản Trạm biến áp An Sơn, Trạm bơm Nghĩa Trang và một số TSCĐ hữu hình khác.

Nguyên giá của Tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 8.033.537.315 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại An Bảo	1.359.000.000	1.359.000.000	1.359.000.000	1.359.000.000
- Công ty TNHH Linh Ngọc HD	502.699.991	502.699.991	502.699.991	502.699.991
- Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp và Xây dựng Việt Trung	935.197.050	935.197.050	3.514.121.000	3.514.121.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Mai Hoa	2.241.875.000	2.241.875.000	3.055.230.000	3.055.230.000
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Việt Phương	3.343.204.000	3.343.204.000	1.910.683.000	1.910.683.000
- Ông Đàm Xuân Trường	967.738.000	967.738.000	1.665.133.000	1.665.133.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Huy Hiếu	-	-	1.600.814.000	1.600.814.000
- Công ty Cổ phần đầu tư sản xuất thương mại Toàn Thắng	-	-	1.551.784.000	1.551.784.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cát Tiên Sa	979.177.000	979.177.000	1.101.330.000	1.101.330.000
- Công ty Cổ phần XD và TM vận tải Dương Kinh	-	-	1.042.060.000	1.042.060.000
- Công ty TNHH Kiến Tạo Hải Phòng	3.020.940.000	3.020.940.000	719.226.000	719.226.000
- Đối tượng khác	8.421.486.947	8.421.486.947	7.171.151.560	7.171.151.560
<b>Cộng</b>	<b>21.771.317.988</b>	<b>21.771.317.988</b>	<b>25.193.232.551</b>	<b>25.193.232.551</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	374.657.394	1.522.454.405	1.766.725.370	130.386.429
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	439.901.715	756.954.330	976.310.659	220.545.386
- Thuế Thu nhập cá nhân	18.628.379	108.117.075	94.837.850	31.907.604
- Thuế tài nguyên	286.472.241	1.601.059.420	1.458.641.675	428.889.986
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.043.888	8.043.888	-
- Thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.119.659.729</b>	<b>3.999.629.118</b>	<b>4.307.559.442</b>	<b>811.729.405</b>

**11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.637.717.672</b>	<b>1.637.717.672</b>	<b>1.637.717.672</b>	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	1.637.717.672	1.637.717.672	1.637.717.672	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.637.717.672</b>	<b>1.637.717.672</b>	<b>1.637.717.672</b>	-	-	-

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số HPG20252932183/HDTD ký ngày 03/04/2025 và Phụ lục số HPG20252932183/HDTD/PL4071576 ký ngày 30/12/2025 giữa Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên (“Bên vay”) và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (“Bên cho vay”).

- Hạn mức tín dụng: 5 tỷ đồng trong đó, hạn mức cho vay là 3 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 2 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 03/04/2025;
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ từ 9,75% đến 10,05%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	-	13.393
- Kinh phí công đoàn	25.459.311	4.381.371
- Thường xếp loại lao động	29.996.000	111.150.000
- Phải trả khác	147.995.303	7.500.000
<b>Cộng</b>	<b>203.450.614</b>	<b>123.044.764</b>

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2024</b>	<b>253.025.732.999</b>	<b>1.835.169.235</b>	<b>-</b>	<b>254.860.902.234</b>
- Lãi trong năm	-	-	3.690.773.706	3.690.773.706
- Giảm trong năm	(8.612.734.784)	(755.774.920)	-	(9.368.509.704)
- Tăng trong năm (*)	687.200.904	221.000.000	-	908.200.904
- Phân phối lợi nhuận	-	-	(3.690.773.706)	(3.690.773.706)
<b>31/12/2024</b>	<b>245.100.199.119</b>	<b>1.300.394.315</b>	<b>-</b>	<b>246.400.593.434</b>
<b>01/01/2025</b>	<b>245.100.199.119</b>	<b>1.300.394.315</b>	<b>-</b>	<b>246.400.593.434</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	4.250.137.446	4.250.137.446
- Giảm trong năm (**)	(1.875.731.102)	(1.523.535.000)	(89.484.963)	(3.488.751.065)
- Tăng trong năm	34.436.137.034	-	-	34.436.137.034
- Phân phối lợi nhuận (***)	-	340.010.996	(4.160.652.483)	(3.820.641.487)
+ Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.820.641.487)	-
+ Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	(340.010.996)	-
<b>31/12/2025</b>	<b>277.660.605.051</b>	<b>116.870.311</b>	<b>-</b>	<b>277.777.475.362</b>

(\*) Tăng quỹ đầu tư phát triển 221.000.000 đồng theo Quyết định của UBND Thành phố Hải Phòng số 241/QĐ-UBND ngày 19/01/2026.

(\*\*) Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm số tiền 89.484.963 đồng do giảm giá trị quyết toán của hợp đồng số 36/2023/HĐNV-SR ngày 24/5/2023 - Thi công Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Soài Rạp năm 2021 theo Thông báo số 3289/TCTBĐATHHMN-TCKT của Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam, Quyết định số 238/QĐ-TTTP của Thanh tra Thành phố - UBND Thành phố Hải Phòng, Quyết định số 1317/UBND-TCKH của UBND Quận An Dương.

(\*\*\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Đầu tư phát triển số tiền 4.160.652.483 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu phần thủy lợi phí	21.943.634.998	19.601.738.000
- Doanh thu xây dựng, sửa chữa công trình	18.090.065.992	11.995.317.491
- Doanh thu bán vật tư	-	3.251.500
- Doanh thu bán nước thô	29.096.948.800	26.972.622.900
<b>Cộng</b>	<b>69.130.649.790</b>	<b>58.572.929.891</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn thủy lợi phí, bán nước thô	34.382.461.471	31.476.295.776
- Giá vốn xây dựng công trình	17.825.775.901	11.875.190.935
- Giá vốn hàng bán vật tư	-	2.974.408
<b>Cộng</b>	<b>52.208.237.372</b>	<b>43.354.461.119</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi	14.342.899	37.919.938
<b>Cộng</b>	<b>14.342.899</b>	<b>37.919.938</b>

**4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.571.882.703	6.897.667.749
- Chi phí đồ dùng văn phòng	341.937.800	867.842.007
- Chi phí khấu hao TSCĐ	589.790.578	615.211.712
- Thuế và các khoản lệ phí	1.612.103.308	1.494.227.748
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	20.000.000	(376.733.307)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	518.100.000	541.870.393
- Chi phí bằng tiền khác	1.912.476.033	1.021.270.632
<b>Cộng</b>	<b>12.566.290.422</b>	<b>11.061.356.934</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**5. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Kinh phí bồi thường	613.207.405	-
- Bán vật tư thu hồi	3.500.000	65.003.571
- Khác	35.133.111	54.949.091
<b>Cộng</b>	<b>651.840.516</b>	<b>119.952.662</b>

**6. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Tiền chậm nộp thuế, BHXH	3.870.188	2.900.073
- Khác	11.343.447	-
<b>Cộng</b>	<b>15.213.635</b>	<b>2.900.073</b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.007.091.776</b>	<b>4.312.084.365</b>
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>3.870.188</b>	<b>2.900.073</b>
- Chi phí không được trừ	3.870.188	2.900.073
<b>Các khoản thu nhập miễn thuế</b>	<b>1.226.190.314</b>	<b>1.208.431.145</b>
- Thu nhập dịch vụ thủy lợi	1.226.190.314	1.208.431.145
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>3.784.771.650</b>	<b>3.106.553.293</b>
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>756.954.330</b>	<b>621.310.659</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>756.954.330</b>	<b>621.310.659</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ**

Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 khoản trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển và giảm Quỹ Khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên Do ảnh hưởng việc điều chỉnh hồi tố này, số liệu của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 thay đổi như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)**

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Số dư tại ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>30.279.471.713</b>	<b>30.500.471.713</b>	<b>(221.000.000)</b>
Nợ ngắn hạn	310	30.279.471.713	30.500.471.713	(221.000.000)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	117.878.869	338.878.869	(221.000.000)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>275.908.702.917</b>	<b>275.687.702.917</b>	<b>221.000.000</b>
Vốn chủ sở hữu	410	246.400.593.434	246.179.593.434	221.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	1.300.394.315	1.079.394.315	221.000.000

**2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Thủy Nguyên đã được kiểm toán, sau đó được điều chỉnh theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2024 của Công ty.

*Lê*

*Lê Thị Thanh Hương*



Trương Thị Lệ  
Người lập

Lê Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên  
Chủ tịch Công ty  
Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2026